

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thản
2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huỳnh N (M), sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 02, ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tổ 10, ấp P, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-11-2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống vào tháng 5-2016 (AL), có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT. Ngày cưới cha mẹ chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ, 01 lắc tay 01 chỉ đều là vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18 K. Hiện mẹ chồng chị đã mượn nên chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh T. Tháng 01-2017 (AL), giữa chị và gia đình chồng có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc nên cha mẹ chồng và anh T đuổi chị đi nên chị về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 01-2017 (AL). Sau khi về nhà cha mẹ ruột ở thì chị mới biết đã mang thai con chung được 02 tuần, chị có nói cho anh T biết nhưng anh T không thừa nhận là con chung nên anh

chị cãi nhau và không còn liên lạc cho đến nay. Từ khi biết chị mang thai đến khi chị sinh con, anh T cũng không đến bàn bạc hàn gắn gia đình và thăm nom. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Nguyễn Gia K, sinh ngày 22-8-2017, hiện chị đang nuôi. Chị yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chị N đã thực hiện đúng riêng anh T không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T; về con chung, giao chị N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, chị N không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: chị N khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh T có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, do giữa chị và gia đình anh T mâu thuẫn về tiền bạc nên gia đình anh T cùng anh T đuổi chị đi và anh T không thừa nhận đứa con chị đang mang thai là con chung nên anh chị cãi nhau, trong thời gian sống ly thân anh T không bàn bạc hàn gắn gia đình cũng không thăm nom con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh T không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi được sinh ra đến nay cháu K được chị N chăm sóc, giáo dục phát triển bình thường. Hiện chị N

đang làm công nhân, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con, hơn nữa, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết. Riêng nữ trang ngày cưới chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị N khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh Thành có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Trần Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 22-8-2017. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0012744 ngày 06-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui